

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GÒ QUAO
TỈNH KIÊN GIANG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 18/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 21-6-2018

V/v: Tranh chấp ly hôn và
yêu cầu nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ QUAO, TỈNH KIÊN GIANG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán chủ tọa phiên tòa:* Bà Danh Thị Kiều Oanh

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Võ Văn Liêm

2. Bà Vũ Thị Đào

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thùy Linh - Thư ký của Tòa án nhân dân huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân:* Không tham gia phiên tòa

Ngày 21 tháng 6 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 111/2018/TLST-HNGĐ ngày 7 tháng 5 năm 2018 về tranh chấp ly hôn và yêu cầu nuôi con theo Quyết định đ- a vụ án ra xét xử số: 23/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 5 năm 2018 giữa các đ- ơng sự:

Nguyên đơn: Chị Lê Thị B, sinh năm 1997 (có mặt)

Địa chỉ: ấp Ph, xã V, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

Bị đơn: Anh Trần T, sinh năm 1992 (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp 2, xã V2, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn đề ngày 6/5/2018 và tại phiên tòa nguyên đơn chị Lê Thị B trình bày nh- sau:

Chị kết hôn với anh Trần T vào ngày 9/5/2017 âm lịch, hôn nhân do mai mối, có tổ chức đám cưới và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Vĩnh Hòa Hưng Nam, huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang. Vợ chồng chị sống hạnh phúc đến tháng 12/2017 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do hai người không hợp thường xuyên cãi nhau đồng thời anh T có tính ghen tuông vô cớ nên sau khi sinh con xong chị B đã về nhà cha mẹ ruột sống ly thân với anh T từ tháng 4/2018 cho đến nay. Trong thời gian

ly thân chị xét thấy không thể tiếp tục cuộc sống hôn nhân được nữa nên quyết định ly hôn với anh T.

Quá trình chung sống chị và anh T có một người con chung tên Trần Lê Kiều L, sinh ngày 2/3/2018, hiện nay chị đang trực tiếp nuôi dưỡng.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Nguyên vọng: Về quan hệ hôn nhân chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh Trần T. Về con chung chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng chăm sóc và chị không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung không có nên chị không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn anh Trần T thống nhất theo lời trình bày của chị B về thời gian kết hôn, về con chung, về tài sản chung và nợ chung còn về mâu thuẫn vợ chồng thì anh T cho rằng không biết lý do gì mà sau khi sinh con thì chị B đã bỏ con về nhà cha mẹ ruột sống, anh và cha mẹ ruột anh có đến rước về nhưng chị B không chịu về.

Nguyên vọng: Về quan hệ hôn nhân anh không đồng ý ly hôn với chị Lê Thị B anh yêu cầu vợ chồng đoàn tụ, nếu chị B cương quyết ly hôn thì anh đồng ý giao con cho chị B tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục và anh không cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung không có nên anh không yêu cầu giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã đ- ọc thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: anh Trần T là bị đơn trong vụ án, Tòa án triệu tập lần thứ hai mà vẫn cố tình vắng mặt mà không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử vụ án vắng mặt anh T là phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị B xác lập quan hệ hôn nhân với anh Trần T vào tháng 5/2017, hôn nhân tự nguyện, có tổ chức đám cưới và có làm thủ tục đăng ký kết hôn trễ hạn tại Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Hòa Hưng Nam, huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang theo số 110/2017 ngày 28/7/2017, cho nên theo quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì hôn nhân của anh chị là hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật bảo vệ.

Xét yêu cầu của chị Lê Thị B là cho chị ly hôn với anh Trần T vì lý do hai người không hợp và anh T có tính ghen tuông nên thường xuyên cãi nhau, do đó vợ chồng chị đã tự ly thân từ tháng 4/2018 cho đến nay. Tòa án đã tiến hành hòa giải nhằm tạo điều kiện cho anh chị hàn gắn hôn nhân nhưng không có kết quả. Tại phiên tòa chị B đã tỏ rõ thái độ không còn thương yêu gì đối với anh T nữa và cương quyết ly hôn với anh T, còn anh T không đồng ý ly hôn và yêu cầu vợ chồng đoàn tụ. HĐXX xét thấy anh chị đã tự ly thân với nhau từ tháng 4/2018 và mâu thuẫn hôn nhân của anh chị đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích

hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào Điều 56 luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận cho chị Lê Thị B được ly hôn với anh Trần T.

[2] Về con chung: Anh chị đều khai có một người con chung tên Trần Lê Kiều L, sinh ngày 2/3/2018 do chị B trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của chị B và anh T là anh T đồng ý giao con cho chị B tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục và chị B không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Chị B và anh T đều xác nhận trong thời gian anh, chị sống chung với nhau không có tài sản chung và cũng không có thiếu nợ ai nên anh chị không yêu cầu giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí hôn nhân sơ thẩm bằng 300.000đồng chị B phải nộp do chị có yêu cầu xin ly hôn.

Vì các lý trên;

QUYẾT ĐỊNH:

□p dụng Điều 147, khoản 2 Điều 227 BLTTDS; Điều 9, Điều 53, Điều 81, 82 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên bố: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Lê Thị B.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Lê Thị B được ly hôn với anh Trần T.

2. Về con chung: Ghi nhận sự tự nguyện của chị B và anh T là giao con tên Trần Lê Kiều L, sinh ngày 2/3/2018 cho chị B tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục và chị B không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Khi cần thiết anh chị có quyền yêu cầu xin thay đổi quyền nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật. Không ai có quyền cản trở việc anh T tới lui thăm nom chăm sóc con chung.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Miễn xét.

4. Về án phí HNST: Là 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) chị Lê Thị B phải nộp nh-ng đ-ợc khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị đã nộp trước đây là 300.000đồng theo biên lai thu số 0001918 ngày 7 tháng 5 năm 2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang. Như vậy chị B đã nộp đủ án phí hôn nhân sơ thẩm.

Báo cho chị Lê Thị B biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày tuyên án là ngày 21 tháng 6 năm 2018.

Báo cho anh Trần T biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc niêm yết theo quy định pháp luật.

“Trường hợp bản án quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc

bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, Điều 9, Điều 7, Điều 7a và Điều 7b Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

**TM/. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận :

- Tòa án tỉnh Kiên Giang;
- VKS huyện Gò Quao;
- Chi cục THADS huyện Gò Quao;
- UBND xã Vĩnh Hòa Hưng Nam;
- Các đ-ơng sự;
- L- u hồ sơ.

(Đã ký)

Danh Thị Kiều Oanh